

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2016/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí
thuộc lĩnh vực Văn hóa thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH 10 ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3323/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực Văn hóa thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực Văn hóa thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực Văn hóa thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực Văn hóa thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng nộp phí

- Đối với phí tham quan di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh: đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân, các đoàn khách tham quan trong nước và người nước ngoài, thăm quan tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh;

- Đối với Phí thư viện: đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân đến mượn và đọc sách;

- Đối với phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

3. Mức thu phí

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Phí tham quan di tích lịch sử			
1	Khu di tích Pác bó			Để lại đơn vị 65%; Nộp ngân sách 35%
a	Đối với người lớn	đồng/lần/người	20.000	
b	Đối với trẻ em dưới 16 tuổi	đồng/lần/người	10.000	
2	Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo Nguyên Bình Cao Bằng			Để lại đơn vị 90%; Nộp ngân sách 10%
a	Đối với người lớn	đồng/lần/người	10.000	
b	Đối với trẻ em dưới 16 tuổi	đồng/lần/người	5.000	
II	Phí thăm quan danh lam thắng cảnh			
1	Thác Bản Giốc (Xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh)			Để lại đơn vị 50%; Nộp ngân sách 50%
a	Đối với người lớn	đồng/lần/người	40.000	
b	Đối với trẻ em dưới 16 tuổi	đồng/lần/người	20.000	

2	Động Ngườm Ngao (Xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh)			Để lại đơn vị 50%; Nộp ngân sách 50%
a	Đối với người lớn	đồng/lần/người	40.000	
b	Đối với trẻ em dưới 16 tuổi	đồng/lần/người	20.000	
III	Phí thư viện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng			Để lại đơn vị 90%; Nộp ngân sách 10%
1	Thẻ mượn tài liệu người lớn	đồng/thẻ/năm/ người	30.000	
2	Thẻ mượn tài liệu thiếu nhi	đồng/ thẻ/năm/ người	15.000	
3	Phòng đọc tổng hợp	đồng/ thẻ/năm/ người	15.000	
4	Phòng đọc thiếu nhi	đồng/ thẻ/năm/ người	10.000	
5	Phí khai thác ,sử dụng tài liệu ngoại văn, địa chí quý hiếm	đồng/ thẻ/năm/ người	100.000	
IV	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	đồng/lần	2.000.000	Để lại đơn vị 30%; Nộp ngân sách 70%

4. Đối tượng miễn, giảm nộp phí

a) Đối với phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa gồm:

- Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

- Giảm 50% mức phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa đối với các trường hợp sau:

+ Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú;

+ Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

+ Người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên;

+ Đối với người thuộc diện hưởng cả hai hoặc ba trường hợp ưu đãi trên thì chỉ giảm 50% phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá.

b) Đối với phí thư viện gồm:

- Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

+ Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường nơi đối tượng cư trú;

+ Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

+ Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

c) Đối với Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: Không có.

5. Kế khai, nộp phí

- Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước;

- Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo tháng và quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

6. Tổ chức thu phí, quản lý và sử dụng phí

a) Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng: tổ chức thu phí tại Điểm 1, Mục I, Khoản 3 Điều này; tổ chức thu phí được để lại 65% (sáu mươi năm phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 35% (ba mươi năm phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Khu di tích rừng Trần Hưng Đạo tỉnh Cao Bằng: tổ chức thu phí tại Điểm 2, Mục I, Khoản 3 Điều này; tổ chức thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 10% (mười phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Công ty Cổ phần du lịch Cao Bằng: tổ chức thu phí tại Mục II, Khoản 3 Điều này; tổ chức thu phí được để lại 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 50% (năm mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

d) Thư viện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: tổ chức thu phí tại Mục III, Khoản 3 Điều này; tổ chức thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 10% (mười phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

đ) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Cao Bằng, tổ chức thu phí tại Mục IV, Khoản 3 Điều này; tổ chức thu phí được để lại 30% (ba mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 70% (bảy mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

e) Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này bãi bỏ Khoản 2, Mục III, Mục V, Phần A Biểu chi tiết Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND tỉnh Ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và học phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND; Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 và Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Ngân sách Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, STC. ĐH (b).

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng